

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH  
XÂY DỰNG SÀI GÒN**

300083

Số: 2.6.4CV.34/SCQC

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt  
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

300083

Tp. Hồ Chí Minh, ngày

<b>SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: 2-04-2026.....
	Ngày: .....
	Chuyển: .....2.2.04.2026...
	.....
	Số và ký hiệu HS: .....

**CÔNG BỐ NĂNG LỰC  
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

**Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh**

*Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ giấy chứng nhận thí nghiệm chuyên ngành thí nghiệm số 93/GCN-BXD ngày 17 tháng 04 năm 2023.*

*Thực hiện Công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.*

Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng Sài Gòn công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

**I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:**

- Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG SÀI GÒN**
- Quyết định thành lập số: 02/QĐ-UB, ngày cấp: 14/05/1994, đơn vị cấp: Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ: Số 25 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, Tp Hồ Chí Minh.
- Người đại diện theo pháp luật: **Bà Hoàng Thị Hải Anh**
- Điện thoại : 028 38230502
- Website: [www.scqc.com](http://www.scqc.com)
- Email: [sales@scqc.com](mailto:sales@scqc.com)
- Mã số thuế: 0301447190

## 2. Thông tin Phòng thí nghiệm:

- Tên phòng thí nghiệm: **PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG**
- Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 93/GCN-BXD ngày 17 tháng 04 năm 2023.
- Mã số LAS-XD 17
- Địa chỉ phòng thí nghiệm : Số 25 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, Tp Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 36367639
- Email: [lasxd17@scqc.com](mailto:lasxd17@scqc.com)

## II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Đính kèm theo văn bản là Danh mục chỉ tiêu thí nghiệm thực hiện)

Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Xây Dựng Sài Gòn cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong bản công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong danh mục đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN**  
**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**  
**THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



**HOÀNG THỊ HẢI ANH**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CÔNG BỐ**  
**CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG**  
*(Đính kèm theo văn bản số: 264/CV.34/SCQC, ngày 22 tháng 04 năm 2026)*

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>				
1.	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011	- Sàng, Máy trộn, - Khuôn (4x4x16cm), máy dẫn - Máy nén uốn thủy lực	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
2.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	- Dụng cụ Vica, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật, ống đong, dao thép, đồng hồ bấm giây, máy trộn,	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>				
3.	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:2022	- Khuôn thép 150x150x150mm, bay, que chọc, thùng bảo dưỡng mẫu	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo
4.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	- Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo
5.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	- Thùng kim loại 5,10, 15 lít - Que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, - Cân kỹ thuật 30kg (1g), - Dao thép gạt mẫu, - Búa cao su	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo
6.	Thí nghiệm lựa chọn thành phần cấp phối của bê tông	Chi dẫn kỹ thuật 778/98 QĐ-BXD; TCVN 9382:2012	- Thiết bị lấy mẫu, khuôn đúc mẫu - Tủ sấy, cân kỹ thuật - Côn thử độ sụt - Máy nén bê tông - Máy trộn bê tông	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
7.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	- Cân kỹ thuật 30kg (1g), - Thùng ngâm mẫu - Tủ sấy 200 <sup>0</sup> C	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo
8.	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:2022	- Máy nén thủy lực 200 tấn - Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
9.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	- Máy nén thủy lực, thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối uốn 4 điểm tựa	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
10.	Xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012	- Thiết bị xác định độ đông kết - Rây sàng, - Khuôn đúc mẫu,	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo
11.	Xác định chiều dày lớp bê tông bị cacbonat hóa	TCVN 13933:2024	- Máy khoan tay - Bình xịt - Dung dịch phenolphtalein	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
<b>THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>				
12.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006	- Cân kỹ thuật 30kg (1g), - Bộ sàng tiêu chuẩn - Máy lắc sàng - Tủ sấy	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
13.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	- Bình khối lượng riêng, - Cân kỹ thuật 30kg (1g), - Bình hút ẩm, - Tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 °C, - Bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã nã,	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
			thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm	
14.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> <li>- Giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, tủ sấy đến 300<sup>0</sup>C/1 °C.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
15.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thùng đong kim loại hình trụ</li> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> <li>- Bộ sàng tiêu chuẩn</li> <li>- Tủ sấy</li> <li>- Thước lá kim loại</li> <li>- Thanh gỗ thẳng, nhãn, đũa cứng để gạt cốt liệu lớn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
16.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> <li>- Tủ sấy</li> <li>- Dụng cụ đảo mẫu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
17.	Xác định hàm lượng bụi bùn sét bản	TCVN 7572-8:2006	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> <li>- Tủ sấy</li> <li>- Thùng rửa cốt liệu</li> <li>- Đồng hồ bấm giây</li> <li>- Tấm kính hoặc tấm kim loại sạch</li> <li>- Que hoặc kim sắt nhỏ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
18.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống hình trụ</li> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> <li>- Bếp cách thủy</li> <li>- Sàng có kích thước lỗ 20mm</li> <li>- Thang màu để so sánh</li> <li>- Dung dịch: NaOH 3%,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
19.	Xác định độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy nén thủy lực</li> <li>- Xi lanh bằng thép có đáy rời</li> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> <li>- Bộ sàng tiêu chuẩn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> </ul>

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
			- Tủ sấy	- Dương Lâm Anh
20.	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	- Máy nén thủy lực - Máy mài nước - Thùng hoặc chậu để ngâm nước - Máy khoan và máy cưa đá	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
21.	Xác định hàm lượng thoi dẹt	TCVN 7572-13:2006	- Cân kỹ thuật 30kg (1g), - Thước kẹp cải tiến - Bộ sàng tiêu chuẩn, - Tủ sấy	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
22.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	- Cân kỹ thuật 30kg (1g), - Tủ sấy - Bộ sàng tiêu chuẩn, - Kim sắt và kim nhôm - Búa con	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>				
23.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012	- Cân kỹ thuật 30kg (1g), - Tủ sấy - Dụng cụ đảo mẫu	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
24.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012	- Dụng cụ Caragrande	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
25.	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4198:2014	- Cân kỹ thuật 30kg (1g), - Bộ sàng tiêu chuẩn - Máy lắc sàng - Tủ sấy	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
26.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cối đầm</li> <li>- Chày đầm</li> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> <li>- Sàng (5mm), bình phun nước,</li> <li>- Tủ sấy, hộp nhôm</li> <li>- Dao gạt đất, vò đập đất,</li> <li>- khay (40x60cm),</li> <li>- Vải phủ, cối sứ ,chày cao su</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
27.	Đảm nén đất, đá dăm	TCVN 12790:2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cối đầm</li> <li>- Chày đầm</li> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> <li>- Sàng (5mm), bình phun nước,</li> <li>- Tủ sấy, hộp nhôm</li> <li>- Dao gạt đất, vò đập đất,</li> <li>- khay (40x60cm),</li> <li>- Vải phủ, cối sứ ,chày cao su</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
28.	Thí nghiệm CBR trong phòng	TCVN 12792:2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy nén CBR,</li> <li>- Cối đầm (D = 152,4 mm)</li> <li>- Chày đầm</li> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> <li>- Tủ sấy, hộp nhôm</li> <li>- Bộ Khuôn CBR</li> <li>- Đồng hồ đo trương nở</li> <li>- Giá đỡ thiên phân kế, Tấm gia tải</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
<b>KIỂM TRA KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN</b>				
29.	Kiểm tra không phá hủy - pp bột từ	TCVN 4396:2018 AWS D1.1:2020 ASTM E709-21 ASME BPV Code 2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gông từ Yoke</li> <li>- Bột từ</li> <li>- Sơn phản quang</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> </ul>
30.	Xác định chiều dày kim loại cơ bản	ASTM E797-2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy đo bề dày kim loại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> </ul>
31.	Phân tích khả năng rỉ mòn cốt thép trong bê tông	TCVN 9348:2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy đo độ rỉ mòn cốt thép,</li> <li>- Máy khoan tay,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> </ul>

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
			- Máy dò cốt thép ...	- Trương Hoài Bảo
32.	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2018 AWS D1.1:2020 ASME BPV Code 2023	- Máy dò khuyết tật siêu âm, - Đầu dò, - Chất tiếp âm	- Nguyễn Đình Hồng Dương
33.	Thử độ cứng vật liệu kim loại PP leeb	ASTM 956/A956M -2017 ASTM E18-2005	- Máy đo độ cứng leeb - Máy mài cầm tay	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BÊTÔNG NHỰA</b>				
34.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	- Máy nén marshall - Khuôn đúc mẫu, búa đầm, bệ đầm, - Bể ổn nhiệt duy trì 60°C, - Cân kỹ thuật 30 kg (1g), - Thước kẹp nhiệt kế ( $\pm 1$ oC)	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
35.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011	- Máy quay ly tâm, Giấy lọc, - Tủ sấy 300°C ( $\pm 1$ oC), - Khay đựng mẫu, - Cân kỹ thuật 30kg (1g), - Ống đồng, cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ.	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
36.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	- Bộ sàng (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075) mm - Tủ sấy 300°C ( $\pm 1$ oC), - Cân kỹ thuật 30kg (1g), - cọ quét, bàn chải sắt.	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
37.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	- Cân kỹ thuật thủy tinh 2610g (0.1g), - Chậu đựng nước, dây treo và cân giỏ đựng mẫu cân trong nước, - Nhiệt kế thủy tinh - Tủ sấy 300°C ( $\pm 1$ oc),	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
38.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy khoan bê tông nhựa,</li> <li>- Cân kỹ thuật thủy tĩnh 2610g (0.1g),</li> <li>- Giẻ lau, khăn giấy,</li> <li>- Thùng đựng nước ngâm mẫu,</li> <li>- Giỏ cân trong trước, giầy treo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
39.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật thủy tĩnh 2610g (0.1g),</li> <li>- Giẻ lau, khăn giấy,</li> <li>- Thùng đựng nước ngâm mẫu,</li> <li>- Giỏ cân trong trước, giầy treo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
40.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật thủy tĩnh 2610g (0.1g),</li> <li>- Giẻ lau, khăn giấy,</li> <li>- Thùng đựng nước ngâm mẫu,</li> <li>- Giỏ cân trong trước, giầy treo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>				
41.	Đo dung trọng, độ ẩm đất bằng PP dao đai	TCVN 12791:2020 TCVN 8729: 2012 TCVN 8730 : 2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dao đai tròn bằng thép dung tích &gt; 100cm<sup>3</sup>,</li> <li>- Cân 30kg (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga, cùn, búa đóng 1,5kg, bay, cọ quét</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
42.	Xác định dung trọng của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729: 2012 TCVN 8730 : 2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phễu rót cát; cát chuẩn;</li> <li>- Cân 30kg(0.1g); bếp ga sấy ẩm; sàng (2.36; 0,15mm), sàng 19mm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
43.	Kiểm tra độ bằng phẳng của nền, bãi và mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thước 3m - Phạm vi đo ( 0- 100)mm, d= 1mm, nôm đo khe hở mức chia 3,5,7,10,15,20mm , cọ quét,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
44.	Xác định môđun đàn hồi theo độ võng đàn hồi nền, áo đường bằng cần Benkeman	TCVN 8867:2011	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần benkelman tỷ lệ <math>\frac{1}{2}</math> phạm vi đo (0-10mm), tấm đế, kích thủy lực, đồng hồ áp lực,</li> <li>- Đồng hồ so 50mm(0.01mm),</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
45.	Xác định cường độ bê tông bằng búa bật nảy	TCVN 9334:2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Súng bật nảy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
46.	Phương pháp hỗn hợp súng siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ bê tông	TCVN 9335:2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy siêu âm bê tông</li> <li>- Búa bật nảy</li> <li>- Chất tiếp âm</li> <li>- Thước lá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
47.	Xác định bề dày lớp phủ bê tông và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy dò cốt thép</li> <li>- Thước kẹp</li> <li>- Compa đo thép</li> <li>- Máy khoan tay</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
48.	Bê tông – PP siêu âm xác định khuyết tật; xác định cường độ chịu nén	TCVN 13537:2022; TCVN 13536:2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy siêu âm bê tông</li> <li>- Chất tiếp âm</li> <li>- Thước lá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
49.	Xác định cường độ kéo bề mặt và cường độ bám dính bằng kéo trực tiếp (pull off)	TCVN 9349:2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết bị thử bám dính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
50.	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy toàn đạc</li> <li>- Gương đo</li> <li>- Máy thủy bình</li> <li>- Mía</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm Đăng Khoa</li> <li>- Nguyễn Trọng Nghĩa</li> </ul>

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
51.	Đo độ võng của dầm, sàn, độ nghiêng của cột, móng, quan trắc lún cho công trình	TCVN 9398: 2012 TCVN 3972 : 1985	- Máy laze - Mía	- Phạm Đăng Khoa - Nguyễn Trọng Nghĩa
52.	Đo chuyển vị ngang của công trình	TCVN 9364:2012	- Máy toàn đạc - Gương đo	- Phạm Đăng Khoa - Nguyễn Trọng Nghĩa
53.	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012	- Máy thủy bình - Mía	- Phạm Đăng Khoa - Nguyễn Trọng Nghĩa
54.	Kiểm tra bê tông bằng phương pháp siêu âm (độ đồng nhất của bê tông)	TCVN 13537:2022	- Máy siêu âm bê tông - Chất tiếp âm - Thước lá	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
<b>THÍ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>				
55.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	- Tủ sấy, - Bộ sàng tiêu chuẩn, - Cân kỹ thuật 30kg (1g), -	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
56.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:22; TCVN 9028:2011	- Dụng cụ thử độ lưu động hỗn hợp vữa (bàn dằn, khâu hình côn) - Chày đầm bằng thép - Chảo sắt, xèng con, bay	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
57.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	- Bình trụ bằng sắt (1000±2ml), - Cân kỹ thuật 30kg (1g),	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
58.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> <li>- Thước kẹp</li> <li>- Tủ sấy,</li> <li>- Cân thủy tĩnh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
59.	Xác định cường độ uốn và nén mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuôn đúc mẫu</li> <li>- Máy nén uốn thủy lực</li> <li>- Thùng bảo dưỡng mẫu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
60.	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết bị kéo đứt</li> <li>- Khoan ống (<math>\phi</math>50mm), máy mài, đá mài, bàn chải nhựa, chổi lông, dao thép, thước thép. cốc và đĩa để trộn keo,</li> <li>- Tấm thép hình vành khăn (<math>\phi</math> trong 10cm, <math>\phi</math> ngoài 20cm) dày 5mm, keo dán chuyên dùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
61.	Xác định độ hút nước mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thùng ngâm mẫu,</li> <li>- Tủ sấy</li> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
62.	Thiết kế thành phần cấp phối vữa xây	TCVN 4487:1987	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuôn đúc mẫu</li> <li>- Máy trộn</li> <li>- Khuôn đúc mẫu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG</b>				
63.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quang của gạch xây	TCVN 6355-1:2009	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thước đo có độ chính xác 0.1 mm</li> <li>- Thước kẹp</li> <li>- Thước góc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> </ul>

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
				- Dương Lâm Anh
64.	Xác định cường độ nén của gạch xây	TCVN 6355-2:2009	- Máy nén uốn thủy lực - Máy cưa cắt mẫu - Thước đo - Bay, chày,	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
65.	Xác định cường độ uốn của gạch xây	TCVN 6355-3:2009	- Máy nén uốn thủy lực - Máy cưa cắt mẫu - Thước đo - Bay, chày,	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
66.	Xác định độ hút nước của gạch xây	TCVN 6355-4:2009	- Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy - Cân kỹ thuật 30kg (1g),	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
67.	Xác định khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-5:2009	- Thước đo - Tủ sấy - Cân kỹ thuật 30kg (1g),	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
68.	Xác định độ rỗng của gạch xây	TCVN 6355-6:2009	- Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy - Cân kỹ thuật 30kg (1g),	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh
<b>THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ LÈN</b>				
69.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quang của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6355-1:2009	- Thước đo có độ chính xác 0.1 mm - Thước kẹp - Thước góc	- Nguyễn Đình Hồng Dương - Trương Hoài Bảo - Dương Lâm Anh

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu thí nghiệm</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Thí nghiệm viên thực hiện</b>
70.	Xác định cường độ nén của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy nén thủy lực</li> <li>- Máy cưa cắt mẫu</li> <li>- Thước đo</li> <li>- Bay, chày, miếng kính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
71.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6355-3:2009	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thùng ngâm mẫu,</li> <li>- Tủ sấy</li> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>
<b>THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT XÂY DỰNG</b>				
72.	Xác định độ hút nước	TCVN 4732:2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thùng ngâm mẫu,</li> <li>- Tủ sấy</li> <li>- Cân kỹ thuật 30kg (1g),</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Đình Hồng Dương</li> <li>- Trương Hoài Bảo</li> <li>- Dương Lâm Anh</li> </ul>

## PHỤ LỤC II

### DANH MỤC DỤNG CỤ, MÁY MÓC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CÔNG BỐ

(Đính kèm theo văn bản số: 264/CV.34/SCQC, ngày 22 tháng 04 năm 2026)

STT	Tên máy móc, thiết bị		Thông tin thiết bị kiểm định / hiệu chuẩn				
	Tên thiết bị / loại	Model / Số Serial	Kiểm định / hiệu chuẩn	Số tem KĐ/HC	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Nơi đặt thiết bị thí nghiệm	Ghi chú
<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM XI MĂNG</b>							
1	Bàn dẫn xi măng					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
2	Bình hút ẩm					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
3	Máy trộn vữa	Model : JJ-5				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
4	Bộ gá nén xi măng 40 x40 mm					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
5	Khuôn 40x40x160 mm					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
6	Khuôn 70.7x70.7x70.7 mm					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
7	Thiết bị xác định thời gian ninh kết xi măng + khuôn	Model : ELE - E40				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>							

8	Máy nén bê tông TYA 2000	Model : TYA 2000 Serial : 1955	Kiểm định	174	04-2027	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
9	Máy nén uốn bê tông	Model : ADR 2000 Serial : 1708-4- 5233	Hiệu chuẩn	SG26-T070/6	26-03-26	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
10	Máy trộn Bê tông	Model : B 150 Serial : 676367				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
11	Máy cưa bê tông					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
12	Bộ côn đo độ sụt					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
13	Bộ thử thời gian ninh kết bê tông (kèm 5 kim + 1 đầu)	ELE				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
14	Bàn rung (dùng điện)	Controls				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
15	Khuôn 150x150x150 mm					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
16	Khuôn 150x300 (Trụ)					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
17	Bể dưỡng mẫu 1000 lít	Model : 55-C0191B				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
18	Hóa chất phenolplatein					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>							

19	Bộ rây sàng hạt thoi dẹt + thướt	Model : ELE				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
20	Bộ rây sàng thành phần hạt (0.075, 0.15, 0.30, 0.60, 1.25, 2.50, 5.00 10.0, 20.0, 25.0, 50.0)	Controls				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
21	Bình tỷ trọng 500ml, 1000 ml, 2000ml	Controls				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
22	Khuôn nén dập xilanh D75, D150					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
23	Thùng dung kim loại xác định thể tích xốp 1 lít, 3 lít, 15 lít					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
24	Bộ côn thử độ ẩm cốt liệu					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
25	Bảng so màu tiêu chuẩn cốt liệu	Model : ELE - 815				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
26	Bình rửa bụi bùn sét bần					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>							
27	Bộ cối, chày xđ đầm nén tiêu chuẩn + cải tiến					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
28	Bộ cối, chày sứ	Serial : 86-D1181/C				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
29	Dụng cụ Atteberg	Model : 24-0435				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	

30	Thiết bị cơ CBR	Serial : 34-T0114/A				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN</b>							
31	Máy từ Magnetic Yoke	Model : Y-8 Serial : 620145	Hiệu chuẩn	SG25-T164/3	20-06-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
32	Máy đo độ dày vật liệu PosiTector	Model : UTG-C1 Serial : 913067	Hiệu chuẩn	SG26-T070/1	26-03-26	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
33	Máy đo độ rỉ sét cốt thép trong bê tông	Model : C310A Serial : C22205004E	Hiệu chuẩn	SG25-T244/2	12-09-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
34	Máy siêu âm thép (EPOCH 650)	Model : EPOCH 650 Serial : 190832504	Hiệu chuẩn	SG25-T164/2	20-06-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
35	Máy đo độ cứng thép	Model : 447-9415 Serial : 1152009019	Hiệu chuẩn	SG26-T070/3	26-03-26	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CƠ LÝ BÊ TÔNG NHỰA</b>							
36	Máy nén Marshall & Bộ khuôn chế mẫu + 1 đế, 1 chày, 1 nồi nấu	Model : P-724				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
37	Vòng lực máy nén Marshall	Model : T1008 Serial : 04064495	Hiệu chuẩn	SG25-T164/7	20-06-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
38	Máy chiết nhựa	Serial : M205- 50398586				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>							

39	Bộ dao vòng					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
40	Bộ rót cát					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
41	Thước đo độ bằng phẳng 3m					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
42	Cần đo Benkelman	Model : HT-350 Serial : 9803				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
43	Tấm đế đường kính 330 mm + ống trụ thấp, cao					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
44	Đồng hồ so 30/ 0,01mm ( Sử dụng cho cần Benkamen )		Hiệu chuẩn	SG25-T164/1	20-06-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
45	Súng bột nẩy Langry	Model : HT225-N Serial : N21100023	Hiệu chuẩn	SG25-Đ415/1	25-11-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
46	Máy siêu âm bê tông ACS	Model : UK1401 Serial : 5172623	Hiệu chuẩn	SG25-T134/4	29-05-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
47	Kính soi bề rộng vết nứt ZBL	Model : F130 Serial : F52207005C	Hiệu chuẩn	SG25-T244/1	12-09-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
48	Máy siêu âm cốt thép HC-GY81S (Rebar Detetor)	Model : HC-GY81S Serial : 27225070716	Hiệu chuẩn	SG25-Đ415/2	25-11-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
49	Máy dò thép Rada	Model : CS-2500 Serial : 037	Hiệu chuẩn	SG26-T070/4	26-03-26	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	

50	Thiết bị đo độ bám dính Defelsko	Model : PosiTest AT Serial : AT02428	Hiệu chuẩn	SG25-T164/4	20-06-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
51	Máy toàn đạc điện tử TOPCON	Model : CYGNUS Serial : KY0593	Kiểm định	59304/2026/ TOTAL	09-04-26	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
52	Máy thủy bình tự động NIKON	Model : AS-2C Serial : 679667	Kiểm định	66704/2026/ AUTO	09-04-26	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
53	Micrometer NIKON (14646)	Serial : 14646				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
54	Mia Inva 2m					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
55	Máy khoan lõi bê tông xi măng	Model : DF-650 Serial : 62-02074				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
<b>THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM DÙNG CHUNG</b>							
56	Côn thử độ lưu động vữa					PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
57	Cân 3 đòn (Max. 2610g)	Model : L415N Serial : 136795	Hiệu chuẩn	SG25-T164/5	20-06-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
58	Cân điện tử (Max. 30kg)	Model : BC30 Serial :8025520437	Kiểm Định	10006	04-26	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
59	Tủ sấy	Serial :20879				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
60	Máy khoan tay	Model : GBH 2-26				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	

61	Máy mài cầm tay	Model : HITACHI				PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	
62	Thước kẹp		Hiệu chuẩn	SG25-T164/8	20-06-25	PTN 25 Phạm Ngọc Thạch	

### PHỤ LỤC III

### DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

(Đính kèm theo văn bản số: 264/CV.34/SCQC, ngày 22 tháng 04 năm 2026)

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Nhiệm vụ được giao
1	Lương Anh Tuấn	1975	- Kỹ sư xây dựng dân dụng & công nghiệp - Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành XDCT GT	Phụ Trách phòng thí nghiệm
2	Nguyễn Đình Hồng Dương	1985	- Kỹ sư xây dựng cầu đường - Bồi dưỡng tập huấn tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - Bằng nghề Thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm phá hủy chuyên ngành xây dựng đường giao thông - Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy - Kiểm tra chất lượng đường hàn bằng phương pháp từ tính (MT) - Kiểm tra chất lượng đường hàn bằng phương pháp siêu âm (UT)	Thí nghiệm viên
3	Trương Hoài Bảo	1990	- Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng - Bồi dưỡng tập huấn tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 - Chứng nhận đào tạo thí nghiệm phá hủy chuyên ngành xây dựng đường giao thông - Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy - Kiểm tra chất lượng đường hàn bằng phương pháp từ tính (MT)	Thí nghiệm viên
4	Dương Lâm Anh	1994	- Trung cấp ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp - Thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	Thí nghiệm viên
5	Phạm Đăng Khoa	1987	- Kỹ sư trắc địa bản đồ - Chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng I	Cán bộ kỹ thuật
6	Nguyễn Trọng Nghĩa	1995	- Kỹ sư trắc địa bản đồ - Chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng III	Cán bộ kỹ thuật